

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Ban hành kèm theo Quyết định số 4221/2009/QĐ-VIB ngày 29/12/2009

DANH MỤC PHÍ		MỨC PHÍ
TÀI KHOẢN		
A	Mở và quản lý tài khoản	
1	Thủ tục mở tài khoản	TT: Miễn phí; TĐ: thỏa thuận
2	Đóng tài khoản tiền gửi thanh toán	TT: 30.000đ/3 USD /lần; TĐ: thỏa thuận
3	Phí duy trì tài khoản tiền gửi thanh toán	
3.1	Tài khoản VNĐ có số dư nhỏ hơn 1.000.000 VND	TT: 30.000 đ/tháng; TĐ: thỏa thuận
3.2	Tài khoản USD có số dư nhỏ hơn 100USD	TT: 3 USD/tháng; TĐ: thỏa thuận
4	Xác nhận về tài khoản theo yêu cầu	TT: 20.000 đ/bản (từ bản thứ ba trở lên TT:10.000 đ/bản); TĐ: thỏa thuận
5	Cung cấp sao kê tài khoản yêu cầu bất thường	
5.1	Hoạt động, sao kê tài khoản	TT: 3.000 đ/ trang (TT: 10.000 đ/lần); TĐ: thỏa thuận
5.2	In lại sổ phụ trong tháng	TT: 3.000 đ/ trang (TT: 10.000 đ/lần); TĐ: thỏa thuận
5.3	In lại sổ phụ của tháng trước	TT: 3.000 đ/ trang (TT: 25.000 đ/lần); TĐ: thỏa thuận
6	Phí sao lục chứng từ	
6.1	Chứng từ phát sinh trong tháng	TT: 20.000 đ/Chứng từ, TĐ: thỏa thuận
6.2	Chứng từ phát sinh các tháng trước và <1 năm	TT: 30.000 đ/Chứng từ, TĐ: thỏa thuận
6.3	Chứng từ >1 năm hoặc tài khoản đã đóng	TT: 50.000 đ/Chứng từ, TĐ: thỏa thuận
B	Giao dịch tài khoản VND	
I	Nộp tiền vào tài khoản	
1	Cùng tỉnh, thành phố nơi mở TK	TT: Miễn phí; TĐ: thỏa thuận
2	Khác, tỉnh thành phố nơi mở TK	TT: 0.03% (TT: 20.000đ); TĐ: 1.000.000đ hoặc thỏa thuận
3	Nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi thanh toán trong vòng 02 ngày rồi rút tiền mặt hoặc chuyển tiền	
3.1	Giá trị < 100 triệu đồng và không quá 02 lần trong ngày	TT: miễn phí kiểm đếm và thu phí chuyển tiền/phí rút tiền mặt (nếu có); TĐ: thỏa thuận
3.2	Giá trị >100 triệu đồng hoặc giá trị <100 triệu đồng từ lần thứ 3 trở đi trong ngày	Thu phí kiểm đếm (TT: 0.03%*số tiền rút ra/chuyển đi/lần (TT: 10.000đ, TĐ: 1.000.000đ hoặc thỏa thuận)) và thu phí chuyển tiền/phí rút tiền mặt (nếu có)
II	Rút tiền mặt từ tài khoản	
1	Cùng, tỉnh thành phố nơi mở TK	TT: Miễn phí; TĐ: thỏa thuận nhưng không vượt quá 0.05%
2	Khác tỉnh thành phố nơi mở TK	TT: 0.025% (TT: 20.000đ); TĐ: 0.05% (TĐ: 1.000.000đ hoặc thỏa thuận)

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Ban hành kèm theo Quyết định số 4221/2009/QĐ-VIB ngày 29/12/2009

DANH MỤC PHÍ		MỨC PHÍ
C	Giao dịch tài khoản Ngoại tệ	
I	Nộp tiền vào tài khoản	
1	Tiền USD	
1.1	Loại từ 50 USD trở lên	TT: 0.15% (TT: 2USD); TĐ: thỏa thuận
1.2	Loại từ 20 USD trở xuống	TT: 0.25% (TT: 2USD); TĐ: thỏa thuận
2	Tiền EUR	TT: 0.4% (TT: 3 EUR); TĐ: thỏa thuận
3	Ngoại tệ khác	TT: 0.5% (TT: 4 USD); TĐ: thỏa thuận
II	Rút tiền mặt từ tài khoản	
1	Rút tiền mặt USD	TT: 0.2% (TT: 3USD); TĐ: thỏa thuận
2	Rút tiền mặt EUR	TT: 0.25% (TT: 3 EUR); TĐ: thỏa thuận
3	Rút tiền mặt ngoại tệ khác	TT: 0.40% (TT: 4USD); TĐ: thỏa thuận
D	Dịch vụ giao dịch qua FAX/SCAN/EMAIL	
1	Phí giao dịch từng lần	TT: 10.000đ/giao dịch; TĐ: Thỏa thuận
2	Phí giao dịch trọn gói	TT: 300.000đ/tháng; TĐ: thỏa thuận
3	Phí chậm bổ sung chứng từ bản gốc theo quy định	TT: 10.000đ/chứng từ/ngày; TĐ: thỏa thuận